



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG – HỆ CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-YDHP ngày tháng năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG – HỆ CHÍNH QUY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 384/QĐ-YDHP ngày 06 tháng 3 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Số: 384 /QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 06 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học năm học 2024-2025
Ngành Điều dưỡng - Hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-YDHP ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ đề xuất của các Khoa phụ trách chương trình đào tạo và Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường ngày 01/02/2024 về việc thông qua nội dung điều chỉnh, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Bà Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học năm học 2024-2025 - Ngành Điều dưỡng - Hệ chính quy (có nội dung chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và áp dụng thực hiện từ khóa K20 (2024 - 2028).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Quản lý Đào tạo Đại học, Trung tâm Khảo thí và QLCLGD, Tài chính kế toán, Trưởng các Khoa, Trung tâm, Bộ môn, Đơn vị và các cá nhân liên quan trong toàn Trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu Website;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
2.1. Sứ mạng – Tâm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường	1
2.2. Sứ mạng – Tâm nhìn – Giá trị cốt lõi của Khoa.....	1
2.3. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: PO).....	2
III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
3.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO):.....	3
3.2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT.....	6
3.3. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành .	7
IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO	7
4.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	7
4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	7
V. TUYỂN SINH	7
VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	8
6.1. Tiến trình đào tạo.....	8
6.2. Khung chương trình đào tạo	9
6.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	11
VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	11
7.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa	11
7.2. Khung chương trình đào tạo	12
7.3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT	17
7.4. Mô tả các học phần.....	19
VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	31
IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ	37
X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	43
XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	44
XII. PHỤ LỤC	48
CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM.....	50

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN	55
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN	64
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	70
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG	76
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	82
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT	90
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT	98
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT	106
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 1	113
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 2	122
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG	128
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HOÁ ĐẠI CƯƠNG	135
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐD	143
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH HỌC - DI TRUYỀN	154
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ ĐẠO ĐỨC Y HỌC	162
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN XÁC SUẤT THỐNG KÊ	169
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DINH DƯỠNG LÂM SÀNG	180
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ	186
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH	197
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIẢI PHẪU	204
ĐỐI TƯỢNG: CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHÍNH QUY	204
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KÝ SINH TRÙNG	210
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH LÝ	219
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH LÝ BỆNH	229
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VI SINH	237
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC CHO NGƯỜI CẦN ĐƯỢC PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	248
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC	257

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG VÀ GIA ĐÌNH.....	264
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRUYỀN NHIỄM	270
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI.....	276
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA 1	284
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA 2	295
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA 3	305
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA 1...315	
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA 2...324	
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA 3...332	
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN	341
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM 1	347
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM 2.....	359
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ VÀ BÀ MẸ 1.....	373
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ VÀ BÀ MẸ 2.....	382
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN 1	388
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN 2	395
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC SỨC KHỎE TRONG THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG.....	401
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN TRONG THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG	407
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG.....	414
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG	420

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN 3	426
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẾ 1.....	433
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẾ 2.....	440
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THAY THẾ TỐT NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG SẢN PHỤ KHOA	447
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THAY THẾ TỐT NGHIỆP CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM.....	453
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG NỘI KHOA...	463
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THAY THẾ TỐT NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA	472
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔN: DỊCH TỄ HỌC	483
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG.....	496
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DA LIỄU.....	504
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LAO	511
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MẮT.....	521
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN RĂNG – HÀM - MẮT.....	526
MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MODULE/HỌC PHẦN TẠI MŨI HỌNG.....	532
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH TRONG THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG.....	542
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA NÂNG CAO.....	550
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA NÂNG CAO	558

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Điều dưỡng
Trình độ đào tạo:	Đại học
Khối ngành:	Khoa học Sức khỏe
Ngành đào tạo:	Điều dưỡng
Mã ngành:	7720301
Hệ đào tạo:	Chính quy
Hình thức đào tạo:	Tập trung
Thời gian đào tạo:	4 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Điều dưỡng
Đơn vị đào tạo, cấp bằng:	Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng:	CNDD chính quy K20
Thời gian áp dụng:	2024

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Mục tiêu của chương trình đào tạo Điều dưỡng được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mạng – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Tầm nhìn – Sứ mạng của khoa nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội về chăm sóc sức khỏe)

2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyên giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo.

Tầm nhìn: Xây dựng trường Đại học Y Dược Hải Phòng phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế.

Triết lý giáo dục: “*Lấy người học trung tâm – Lấy người bệnh làm trung tâm – Vì sức khỏe cộng đồng*”

2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi của Khoa

Sứ mạng khoa Điều dưỡng (Nursing faculty Mission Statement)

Sứ mạng của chúng tôi là chuẩn bị cho các sinh viên, học viên trở thành các điều dưỡng chuyên nghiệp thông qua sự xuất sắc trong học tập để tăng cường sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân ở tất cả các cộng đồng mà họ phục vụ, đặc biệt ở biển đảo. Khoa cam kết cung cấp một chương trình tiên tiến trong dạy-học và nghiên cứu điều dưỡng với mục tiêu tăng cường sức khỏe và hạnh phúc của tất cả các cá nhân, nhóm và cộng đồng.

Tầm nhìn của khoa Điều dưỡng (Nursing faculty Vision Statement)

Khoa Điều dưỡng Trường đại học Y Dược Hải Phòng mong muốn trở thành trung tâm học thuật xuất sắc trong giáo dục điều dưỡng chuyên nghiệp cấp độ đại học và sau đại học cho Việt Nam và thế giới. Sinh viên, học viên tốt nghiệp của chúng tôi sẽ là những điều dưỡng khéo léo, chu đáo, hiểu biết và có tầm nhìn rõ ràng về ngành điều dưỡng. Họ sẽ cố gắng đạt được sự xuất sắc trong việc chăm sóc để đem lại sức khỏe và hạnh phúc cho người dân và cộng đồng, sẵn sàng hợp tác với những người khác và đáp ứng sự đa dạng, công bằng trong nỗ lực cải thiện sức khỏe cho tất cả mọi người.

Giá trị cốt lõi khoa Điều dưỡng (Nursing faculty Core values)

Sự xuất sắc. Chúng tôi tìm cách đạt được chất lượng cao nhất có thể trong các chương trình giáo dục và trong việc giảng dạy, nghiên cứu, dịch vụ.

Sự đổi mới. Chúng tôi cố gắng đổi mới trong giảng dạy, nghiên cứu nhằm thu hút sinh viên tham gia học tập và nâng cao kiến thức về giáo dục, nghiên cứu điều dưỡng.

Khả năng đáp ứng. Chúng tôi đáp ứng nhu cầu của sinh viên và những thay đổi trong chăm sóc sức khỏe của xã hội.

Sự hợp tác. Chúng tôi thúc đẩy các mối quan hệ hiệu quả và năng động bằng cách chia sẻ kiến thức và chuyên môn với khách hàng, các chuyên gia y tế khác và cộng đồng trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau để đạt được các mục tiêu chung.

Quan hệ đối tác. Chúng tôi làm việc với các đối tác lâm sàng và các đơn vị học thuật khác để cải thiện các chương trình của mình và tăng cường thực hành điều dưỡng dựa trên bằng chứng.

Tính tập thể. Chúng tôi cố gắng tạo mối quan hệ đồng nghiệp giữa các giảng viên và nhân viên, sinh viên, điều tra viên nghiên cứu và tất cả các chuyên gia y tế.

Sự chịu trách nhiệm. Chúng tôi có trách nhiệm đối với sinh viên, Trường đại học Y Dược Hải Phòng và cộng đồng trong việc cung cấp các chương trình chất lượng, hỗ trợ Trường đại học đạt được kế hoạch chiến lược và hoạt động hiệu quả.

Sự tôn kính. Chúng tôi tạo ra một môi trường học tập và làm việc tôn trọng và thể hiện sự tôn trọng với sinh viên, giảng viên, nhân viên, đối tác bên ngoài và chính chúng tôi.

2.3. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: PO)

2.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; có ý thức phục vụ nhân dân; có sức khỏe và năng lực tư duy; làm việc độc lập và phối hợp, tự học và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1 (Lĩnh vực Kiến thức):

Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội - khoa học tự nhiên - khoa học chuyên ngành về khối ngành chăm sóc sức khỏe và ngành điều dưỡng, hiểu rõ

những nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm, có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

PO2 (Lĩnh vực Kỹ năng):

Đào tạo người Điều dưỡng có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp tốt, có kỹ năng giao tiếp và giao tiếp bằng ngoại ngữ, quản lý, làm việc nhóm để làm việc trong môi trường đa ngành, đa văn hóa, đa quốc gia

PO3 (Lĩnh vực thái độ):

Đào tạo người Điều dưỡng có thái độ trung thực, khách quan, thận trọng, tuân thủ đạo đức, luật pháp, tôn trọng quyền của người bệnh, có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO):

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong 4 năm một cách thành công, người học có khả năng:

Kiến thức cho thực hành điều dưỡng

PLO1. Thể hiện được sự hiểu biết về lĩnh vực đặc thù của điều dưỡng trong mối quan hệ với các ngành nghề khác

PI 1.1. Xác định các khái niệm, bắt nguồn từ các lý thuyết điều dưỡng và các ngành khác, giúp phân biệt thực hành điều dưỡng.

PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học điều dưỡng để phát triển nền tảng cho thực hành điều dưỡng.

PLO2. Áp dụng lý thuyết và kiến thức dựa trên nghiên cứu từ điều dưỡng, nghệ thuật, xã hội nhân văn và các ngành khoa học khác vào chăm sóc sức khỏe.

PI 2.1. Áp dụng hoặc sử dụng kiến thức từ khoa học điều dưỡng cũng như khoa học tự nhiên, thể chất và xã hội để xây dựng sự hiểu biết về trải nghiệm của con người và thực hành điều dưỡng.

PI 2.2. Thể hiện trách nhiệm xã hội với tư cách là một công dân toàn cầu, người thúc đẩy việc đạt được sự công bằng về sức khỏe cho tất cả mọi người.

PI 2.3. Kiểm tra ảnh hưởng của các giá trị cá nhân trong việc ra quyết định cho thực hành điều dưỡng.

PI 2.4. Thể hiện việc ra quyết định có đạo đức.

PLO3: Thể hiện được phán đoán lâm sàng dựa trên cơ sở kiến thức rộng

PI 3.1. Lập luận được kế hoạch chăm sóc dựa trên kiến thức lâm sàng

PI 3.2. Tích hợp kiến thức điều dưỡng (lý thuyết, nhiều cách để biết, bằng chứng) và kiến thức từ các ngành khác và yêu cầu để đưa ra đánh giá lâm sàng.

PI 3.3. Kết hợp kiến thức từ điều dưỡng và các ngành khác để hỗ trợ đánh giá lâm sàng.

Chăm sóc lấy con người làm trung tâm

PLO4: Giao tiếp hiệu quả với các cá nhân và gắn kết với cá nhân đó trong việc thiết lập mối quan hệ chăm sóc.

- PI 4.1. Xem xét niềm tin cá nhân, giá trị và thông tin được cá nhân hóa trong giao tiếp.
- PI 4.2. Sử dụng nhiều phương thức giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh.
- PI 4.3. Thể hiện khả năng tiến hành các buổi nói chuyện nhạy cảm hoặc khó khăn.
- PI 4.4. Sử dụng các tài liệu giảng dạy cho bệnh nhân dựa trên bằng chứng, xem xét kiến thức về sức khỏe, thị lực, thính giác và sự nhạy cảm về văn hóa.
- PI 4.5. Thể hiện trí tuệ cảm xúc trong giao tiếp.
- PI 4.6. Thể hiện phẩm chất của sự đồng cảm
- PI 4.7. Thể hiện sự quan tâm từ bi.
- PI 4.8. Thiết lập sự tôn trọng lẫn nhau với cá nhân và gia đình.

PLO5: Tích hợp các kỹ năng đánh giá trong thực hành chăm sóc

- PI 5.1. Tạo một môi trường trong quá trình đánh giá nhằm thúc đẩy trải nghiệm tương tác năng động.
- PI 5.2. Khai thác được tiền sử đầy đủ, chính xác, có hệ thống
- PI 5.3. Thực hiện đánh giá sức khỏe toàn diện, phù hợp về mặt lâm sàng.
- PI 5.4. Thực hiện xét nghiệm sàng lọc/chẩn đoán tại điểm chăm sóc (ví dụ: đường huyết, PO2, Điện tâm đồ).
- PI 5.5. Phân biệt giữa những phát hiện sức khỏe bình thường và bất thường.
- PI 5.6. Áp dụng kiến thức điều dưỡng để đạt được quan điểm toàn diện về con người, gia đình, cộng đồng và dân số
- PI 5.7. Truyền đạt kết quả của một đánh giá toàn diện.

PLO 6: Chẩn đoán các nhu cầu và vấn đề sức khỏe hiện tại hoặc tiềm ẩn.

- PI 6.1. Tổng hợp dữ liệu đánh giá trong bối cảnh sở thích, tình huống và kinh nghiệm hiện tại của cá nhân.
- PI 6.2. Tạo một danh sách các vấn đề/mối quan tâm về sức khỏe.
- PI 6.3. Ưu tiên các vấn đề / mối quan tâm về sức khỏe.
- PI 6.4. Hiểu và áp dụng các kết quả sàng lọc xã hội, kiểm tra tâm lý, dữ liệu phòng thí nghiệm, nghiên cứu hình ảnh và các xét nghiệm chẩn đoán khác trong các hành động và kế hoạch chăm sóc.
- PI 6.5. Đóng góp với tư cách là một thành viên trong nhóm để hình thành và cải thiện các chẩn đoán.

PLO7: Phát triển một kế hoạch chăm sóc và thể hiện trách nhiệm đối với việc cung cấp dịch vụ chăm sóc

- PI 7.1. Thu hút cá nhân và nhóm vào việc phát triển kế hoạch.
- PI 7.2. Tổ chức chăm sóc dựa trên các mục tiêu sức khỏe chung.
- PI 7.3. Ưu tiên chăm sóc dựa trên bằng chứng tốt nhất
- PI 7.4. Kết hợp can thiệp dựa trên bằng chứng để cải thiện kết quả và an toàn
- PI 7.5. Dự đoán kết quả chăm sóc (dự kiến, bất ngờ và có khả năng bất lợi).
- PI 7.6. Chứng minh cơ sở lý luận của kế hoạch chăm sóc
- PI 7.7. Thực hiện kế hoạch chăm sóc cá nhân bằng cách sử dụng các giao thức đã được thiết lập.
- PI 7.8. Giao tiếp cung cấp dịch vụ chăm sóc thông qua nhiều phương thức.

PI 7.9. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch chăm sóc.

PLO8: Đánh giá kết quả chăm sóc

PI 8.1. Đánh giá lại cá nhân để đánh giá kết quả/mục tiêu sức khỏe.

PI 8.2. Sửa đổi kế hoạch chăm sóc khi cần thiết.

PI 8.3. Nhận biết sự cần thiết phải sửa đổi thực hành tiêu chuẩn.

PLO9: Thúc đẩy quản lý tự chăm sóc

PI 9.1. Hỗ trợ cá nhân tham gia vào quản lý tự chăm sóc.

PI 9.2. Sử dụng các chiến lược giáo dục cá nhân hóa dựa trên lý thuyết học tập, phương pháp luận và hiểu biết về sức khỏe.

PI 9.3. Giáo dục các cá nhân và gia đình về cách tự chăm sóc để tăng cường sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật và quản lý bệnh tật.

PI 9.4. Tôn trọng quyền tự quyết của các cá nhân và gia đình trong các quyết định chăm sóc sức khỏe của họ.

PI 9.5. Xác định các nguồn lực cá nhân, hệ thống và cộng đồng có sẵn để hỗ trợ quản lý tự chăm sóc.

PLO 10. Áp dụng các nguyên tắc cải tiến chất lượng trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc.

PI 10.1. Công nhận vai trò thiết yếu của điều dưỡng trong việc cải thiện chất lượng và an toàn chăm sóc sức khỏe.

PI 10.2. Xác định các nguồn và ứng dụng của các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn quốc gia để hướng dẫn thực hành điều dưỡng.

PI 10.3. Xây dựng kế hoạch giám sát thay đổi cải tiến chất lượng

Phát triển cá nhân, nghề nghiệp và lãnh đạo

PLO11: Thể hiện tinh thần ham học hỏi thúc đẩy sự linh hoạt và trưởng thành nghề nghiệp.

PI 11.1. Cam kết phát triển cá nhân và nghề nghiệp.

PI 11.2. Tham gia nghiên cứu khoa học, học tập liên tục để cập nhật kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ, công nghệ thông tin để phục vụ quản lý và chăm sóc người bệnh.

PI 11.3. Tham gia vào các hoạt động đang diễn ra theo nguyên tắc đa dạng, công bằng, hòa nhập và chống phân biệt đối xử

PI 11.4. So sánh và đối chiếu các nguyên tắc và lý thuyết lãnh đạo.

Tính chuyên nghiệp

PLO12. Thể hiện sự ứng xử có đạo đức trong thực hành của một người điều dưỡng phản ánh sứ mệnh của điều dưỡng đối với xã hội.

PI 12.1. Áp dụng các nguyên tắc về đạo đức điều dưỡng chuyên nghiệp và quyền con người trong chăm sóc bệnh nhân và các tình huống chuyên môn

PI 12.2. Thể hiện hành vi đạo đức trong thực hành

PI 12.3. Thay đổi hành vi dựa trên bản thân và nhận thức tình huống.

PI 12.4. Báo cáo các hành vi phi đạo đức khi được quan sát

PI 12.5. Bảo vệ quyền riêng tư, bảo mật và quyền tự chủ trong tất cả các tương tác.

PLO 13. Thể hiện trách nhiệm đối với cá nhân, xã hội và nghề nghiệp.

PI 13.1. Thể hiện sự dũng cảm về mặt đạo đức để báo cáo các mối lo ngại liên quan đến các mối nguy hiểm và/hoặc lỗi thực tế hoặc tiềm tàng

PI 13.2. Thể hiện sự trung thực và liêm chính trong nghề nghiệp và cá nhân.

PI 13.3. Chịu trách nhiệm về vai trò, quyết định, nghĩa vụ, hành động và kết quả chăm sóc của mình.

PI 13.4. Tham gia vào các hoạt động và/hoặc tổ chức chuyên nghiệp.

PI 13.5. Thể hiện sự tuân thủ văn hóa lịch sự.

PI 13.6. Vận động cho công bằng xã hội và công bằng y tế, bao gồm giải quyết vấn đề sức khỏe của các nhóm dân cư dễ bị tổn thương..

PLO 14. Tuân thủ các luật, chính sách và quy định có liên quan.

PI 14.1. Tuân thủ phạm vi và tiêu chuẩn hành nghề của người điều dưỡng đã đăng ký

PI 14.2. Tuân thủ các yêu cầu quy định và chính sách tại nơi làm việc

PLO 15. Tích hợp sự đa dạng, công bằng và hòa nhập làm cốt lõi cho bản sắc nghề nghiệp của một người điều dưỡng

PI 15.1. Thể hiện sự tôn trọng đối với sự khác biệt về đa dạng cá nhân, quần thể và cộng đồng

PI 15.2. Thể hiện nhận thức về các giá trị cá nhân và nghề nghiệp cũng như những thành kiến có ý thức và vô thức.

PI 15.3. Tích hợp các nguyên tắc cốt lõi của công bằng xã hội và nhân quyền vào thực tế.

3.2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT

	PO1	PO2	PO3
PLO1	x		
PLO2	x		
PLO3	x		
PLO4		x	
PLO5		x	
PLO6		x	
PLO7		x	
PLO8		x	
PLO9		x	
PLO10		x	
PLO11			x
PLO12			x
PLO13			x
PLO14			x
PLO15			x

3.3. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành

Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn năng lực của ngành	Chuẩn năng lực ASEAN	Khung trình độ quốc gia Việt Nam
PLO1	TC1,2,3,4	DO2	KT1,2,3
PLO2			
PLO3			
PLO4	TC5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15, 16,17,18,19, 20,21,22	DO2,3,4	KN1,3,4,5,6
PLO5			
PLO6			
PLO7			
PLO8			
PLO9			
PLO10			
PLO11	TC23,24,25	DO1	TC1,2,3,4
PLO12			
PLO13			
PLO14			
PLO15			

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

4.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng, sinh viên có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm như sau:

- Điều dưỡng viên tại các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám
- Làm nhân viên tư vấn, chăm sóc sức khỏe
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ đào tạo DD.
- Không chỉ có cơ hội việc làm tốt trong nước mà nghề điều dưỡng còn có nhiều cơ hội đề xuất xuất khẩu lao động sang các nước phát triển như Đức, Úc, Canada, đặc biệt tại Nhật Bản do là nước có tỷ lệ người già cao nên nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại gia đình và trong các cơ sở y tế là rất lớn...

4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Ths Điều dưỡng, TS. Điều dưỡng CKI, CKII
- CKI, CKII Điều dưỡng

V. TUYỂN SINH

Học sinh đã tốt nghiệp THPT và đáp ứng các tiêu chí tuyển sinh hàng năm của Nhà trường dựa trên quy chế tuyển sinh

6.2. Khung chương trình đào tạo

Thứ tự	Môn học	Năm học
	CÁC MÔN CHUNG	
1	Triết học Mác – Lênin	1
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	1
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	1
7	Giáo dục thể chất*	1
8	Ngoại ngữ 1	1
9	Ngoại ngữ 2	1
10	Tin học đại cương	1
11	Hóa học đại cương	1
	CÁC MÔN CƠ SỞ KHỎI NGÀNH	
1	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	4
2	Sinh học và Di truyền	1
3	Tâm lý Y học-Đạo đức Y học	1
4	Xác suất - Thống kê y học	1
	CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH	
1	Dinh dưỡng lâm sàng	2
2	Dược lý	2
3	Giải phẫu	1
4	Hóa sinh	1
5	Ký sinh trùng	2
6	Sinh lý	1
7	Sinh lý bệnh - Miễn dịch - Dự ứng lâm sàng	2
8	Vi sinh	2
	CÁC MÔN KIẾN THỨC NGÀNH	
1	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	4
2	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	4
3	Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng và Gia đình	3

4	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	3
5	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	3
6	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 1	3
7	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 2	3
8	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 3	4
9	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 1	3
10	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 2	3
11	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 3	4
12	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	3
13	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	3
14	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	3
15	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 1	3
16	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 2	3
17	Điều dưỡng cơ bản 1	2
18	Điều dưỡng cơ bản 2	2
19	Điều dưỡng cơ bản 3 - TH bệnh viện	2
20	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2
21	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành ĐD	2
22	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2
23	Quản lý điều dưỡng	4
24	Thực tế 1	4
25	Thực tế 2	4
	CÁC MÔN KIẾN THỨC BỔ TRỢ	
1	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	4
	TỰ CHỌN (sinh viên chọn 10 tín chỉ trong tổng số 20 tín chỉ tự chọn; chọn 5 trong 10 môn)	
1	Dịch tễ học	2
2	Sức khỏe môi trường	2
3	Da liễu	2
4	Lao	2
5	Mắt	2

6	Răng hàm mặt	2
7	Tai mũi họng	2
8	Thần kinh	2
9	Chăm sóc người bệnh nội khoa nâng cao	2
10	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa nâng cao	2

6.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ các module/học phần trong CTĐT và có các chứng chỉ: Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Ngoại ngữ, Tin học theo quy định thì được xét công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số khối lượng kiến thức của CTĐT: 138 TC

STT	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các học phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	21
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó: Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức ngành Kiến thức bổ trợ (tự chọn) Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khóa luận)	26 77 10 4
Tổng cộng		138

7.2. Khung chương trình đào tạo

Năm học	Tên môn học	Tín chỉ			Số tiết		MH tiên quyết	Khối kiến thức	Quy ước điểm	Khoa/BM chủ quản
		Tổng	LT	TH/LS	LT	TH/LS				
1	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	45	0		Môn chung	CCx0.1 + LTGKx0.1 + LTCKx0.8	Lý luận chính trị
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	30	0		Môn chung	CCx0.1 + LTGKx0.1 + LTCKx0.8	Lý luận chính trị
1	Chú nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	0		Môn chung	CCx0.1 + LTGKx0.1 + LTCKx0.8	Lý luận chính trị
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	30	0		Môn chung	CCx0.1 + LTGKx0.1 + LTCKx0.8	Lý luận chính trị
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	0		Môn chung	CCx0.1 + LTGKx0.1 + LTCKx0.8	Lý luận chính trị
1	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	7*	7*	0	105	0		Môn chung	Đạt	BM GDTC - GDQP
1	Giáo dục thể chất*	3*	0	3*	0	135		Môn chung	Đạt	BM GDTC - GDQP
1	Ngoại ngữ 1	3	3	0	45	0		Môn chung	CCx0.1 + LTGKx0.3 + LTCKx0.6	Ngoại ngữ
1	Ngoại ngữ 2	3	3	0	45	0		Môn chung	CCx0.1 + LTGKx0.3 + LTCKx0.6	Ngoại ngữ
1	Tin học đại cương	2	1	1	15	30		Môn chung	TH x0.5 + LTCKx0.5	Tin học
1	Hóa học đại cương	2	1	1	15	30		Môn chung	CC*0.1 + GK*0.1 + TH*0.3 + KT*0.5	Hoá học
4	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	1	1	15	30		Cơ sở khối ngành	LGTH*0.5 + LTCK*0.5	Trung tâm Giáo dục Y học-Nghiên

Năm học	Tên môn học	Tín chỉ			Số tiết		MH tiên quyết	Khối kiến thức	Quy ước điểm	Khoa/BM chủ quản
		Tổng	LT	TH/LS	LT	TH/LS				
										cứu khoa học
1	Sinh học và Di truyền	2	1	1	15	30		Cơ sở khối ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Sinh học & DT
1	Tâm lý Y học-Đạo đức Y học	2	2	0	30	0		Cơ sở khối ngành	LTGKx0.2 + LTCKx0.8	Tâm lý - Đạo đức y học
1	Xác suất - Thống kê y học	2	1	1	15	30		Cơ sở khối ngành	TH x0.5 + LTCKx0.5	Toán học
2	Dinh dưỡng lâm sàng	2	1	1	15	30		Cơ sở ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng cộng đồng
2	Dược lý	2	1	1	15	30		Cơ sở ngành	TH x 0.3 + LTCK x 0.7	Dược Lý
1	Giải phẫu	3	2	1	30	30		Cơ sở ngành	CCx0.1 + TH x0.3 + LTCKx0.6	Giải phẫu
1	Hóa sinh	2	1	1	15	30		Cơ sở ngành	TH*0.3 + LTCK*0.7	Hoá sinh
2	Ký sinh trùng	2	1	1	15	30		Cơ sở ngành	TH x0.3 + LTCKx0.7	Ký sinh trùng
1	Sinh lý	2	1	1	15	30		Cơ sở ngành	TH x0.4 + LTCKx0.6	Sinh lý
2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch - Dịch tễ lâm sàng	3	2	1	30	30		Cơ sở ngành	THx0.3 + LGCKx0.7	Sinh lý bệnh - Dịch tễ
2	Vi sinh	2	1	1	15	30		Cơ sở ngành	TH x0.4 + LTCKx0.6	Vi sinh

Năm học	Tên môn học	Tín chỉ			Số tiết		MH tiên quyết	Khởi kiến thức	Quy ước điểm	Khoa/BM chủ quản
		Tổng	LT	TH/LS	LT	TH/LS				
4	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	1	1	15	45		Kiến thức ngành	CCx0.1 + THx0.4 + LTCKx0.5	Phục hồi chức năng
3	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	1	1	15	45		Kiến thức ngành	TH x0.5 + LTCKx0.5	Điều dưỡng người lớn
4	Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng và Gia đình	3	1	2	15	90		Kiến thức ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng cộng đồng
4	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	1	1	15	45		Kiến thức ngành	CC*0.1 + LSCK*0.4 + LTCK*0.5	Truyền nhiễm
3	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	1	1	15	45		Kiến thức ngành	CCx0.1 + THx0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng người lớn
3	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 1	4	2	2	30	90		Kiến thức ngành	THx0.5 + LTCKx0.5	Điều dưỡng người lớn
3	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 2	4	2	2	30	90		Kiến thức ngành	THx0.5 + LTCKx0.5	Điều dưỡng người lớn
4	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 3	4	0	4	0	180		Kiến thức ngành	THGKx0.5 + THCKx0.5	Điều dưỡng người lớn
3	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 1	4	2	2	30	90		Kiến thức ngành	TH x0.5 + LTCKx0.5	Điều dưỡng người lớn
3	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 2	4	2	2	30	90		Kiến thức ngành	TH x0.5 + LTCKx0.5	Điều dưỡng người lớn
4	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 3	4	0	4	0	180		Kiến thức ngành	THGKx0.5 + THCKx0.5	Điều dưỡng người lớn
3	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	1	1	15	45		Kiến thức ngành	TH x0.5 + LTCKx0.5	Tâm thần
3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	3	1	2	15	90		Kiến thức ngành	TH x0.5 + LTCKx0.5	Điều dưỡng trẻ em

Năm học	Tên môn học	Tín chỉ			Số tiết		MH tiên quyết	Khối kiến thức	Quy ước điểm	Khoa/BM chủ quản
		Tổng	LT	TH/LS	LT	TH/LS				
3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	3	1	2	15	90	Kiến thức ngành	TH x0.5 + LTCKx0.5	Điều dưỡng trẻ em	
3	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 1	4	2	2	30	90	Kiến thức ngành	TH x0.5 + LTCKx0.5	Điều dưỡng sản	
3	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 2	2	0	2	0	90	Kiến thức ngành	CCx0.2 + THCKx0.8	Điều dưỡng sản	
2	Điều dưỡng cơ bản 1	3	2	1	30	30	Kiến thức ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng cơ bản	
2	Điều dưỡng cơ bản 2	3	1	2	15	60	Kiến thức ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng cơ bản	
2	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2	1	1	15	30	Kiến thức ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng cộng đồng	
2	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành ĐD	2	1	1	15	30	Kiến thức ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng cộng đồng	
2	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2	1	1	15	30	Kiến thức ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng cộng đồng	
4	Quản lý điều dưỡng	3	1	2	15	60	Kiến thức ngành	CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5	Điều dưỡng cộng đồng	
2	Điều dưỡng cơ bản 3_TH bệnh viện	3	0	3	0	135	Kiến thức ngành	THGKx0.3 + THCKx0.7	Điều dưỡng cơ bản	
3	Thực tế 1	5	0	5	0	225	Kiến thức ngành	THGKx0.3 + THCKx0.7	Điều dưỡng cộng đồng	
4	Thực tế 2	5	0	5	0	225	Kiến thức ngành	THGKx0.3 + THCKx0.7	Điều dưỡng cộng đồng	
4	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	4	0	4	0	180	Kiến thức bổ trợ	THGKx0.3 + THCKx0.7	Khoa Điều dưỡng	

Năm học	Tên môn học	Tín chỉ			Số tiết		MH tiên quyết	Khối kiến thức	Quy ước điểm	Khoa/BM chủ quản
		Tổng	LT	TH/LS	LT	TH/LS				
4	Dịch tễ học	2	1	1	15	30		Tự chọn	TH x0.4 + LTCKx0.6	Khoa Y tế công cộng
4	Sức khỏe môi trường	2	1	1	15	30		Tự chọn	CCx0.1 + THx0.3 + LTCKx0.6	Khoa Y tế công cộng
4	Da liễu	2	1	1	15	45		Tự chọn	TH x0.5 + LTCKx0.5	Da liễu
4	Lao	2	1	1	15	45		Tự chọn	TH x0.5 + LTCKx0.5	Lao
4	Mắt	2	1	1	15	45		Tự chọn	TH x0.5 + LTCKx0.5	Mắt
4	Răng hàm mắt	2	1	1	15	45		Tự chọn	TH x0.5 + LTCKx0.5	Răng hàm mắt
4	Tai mũi họng	2	1	1	15	45		Tự chọn	TH x0.5 + LTCKx0.5	Tai mũi họng
4	Thần kinh	2	1	1	15	45		Tự chọn	TH x0.5 + LTCKx0.5	Thần kinh
4	Chăm sóc người bệnh Nội khoa nâng cao	2	0	2	0	90		Tự chọn	THGKx0.4 + THCKx0.6	Điều dưỡng người lớn
4	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa nâng cao	2	0	2	0	90		Tự chọn	THGKx0.4 + THCKx0.6	Điều dưỡng người lớn

TT	Mã học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PL O12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	
34	Chăm sóc người bệnh Nội khoa 3	4				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
35	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
36	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
37	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2	3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
38	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 1	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
39	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 2	2				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
40	Điều dưỡng cơ bản 1	3	X															
41	Điều dưỡng cơ bản 2	3	X															
42	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2																
43	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành ĐD	2	X	X	X													
44	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
45	Quản lý điều dưỡng	3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
46	Điều dưỡng cơ bản 3_THI bệnh viện	3				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
47	Thực tế 1	5																
48	Thực tế 2	5																
49	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng nội khoa	4				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
50	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng sản khoa	4				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
51	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng nhi	4				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
52	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng ngoại khoa	4				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
53	Dịch tễ học	2	X															
54	Sức khỏe môi trường	2																
55	Da liễu	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
56	Lao	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
57	Mắt	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
58	Răng hàm mặt	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
59	Tai mũi họng	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
60	Thần kinh	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
61	Chăm sóc người bệnh Nội khoa nâng cao	2				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
62	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa nâng cao	2				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

7.4. Mô tả các học phần

1. Học phần triết học MÁC – LÊNIN

Môn học trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản của triết học bao gồm: Lịch sử ra đời, phát triển của triết học Mác - Lênin. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về thế giới (tự nhiên, xã hội) và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy; Lý luận của triết học Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử. Nhằm xây dựng một cách hệ thống thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên vào hoạt động học tập và nghiên cứu chuyên ngành.

2. Học phần kinh tế chính trị MÁC – LÊNIN

Môn học trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản của KTCT bao gồm: Lịch sử ra đời, phát triển của KTCT Mác - Lênin. Nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác Lênin, được trình bày cụ thể với các vấn đề: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Mục đích nhằm xây dựng một cách hệ thống thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên vào hoạt động học tập và hoạt động

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXH KH) là học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản của CNXH KH bao gồm: Lịch sử ra đời, phát triển của CNXH KH. Phân tích những nội dung cơ bản của CNXH KH như: những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay. Mục đích giúp sinh viên nắm và hiểu đúng bản chất những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa, như: Vấn đề dân chủ; vấn đề tôn giáo; vấn đề dân tộc; vấn đề gia đình....

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong 5 học phần thuộc chương trình lý luận chính trị được áp dụng cho tất cả các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam mà bắt buộc sinh viên phải học tập. Với học phần tư tưởng Hồ Chí Minh, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh như: cơ sở hình thành, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những quan điểm của Hồ Chí Minh về dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, văn hóa, đạo đức, con người. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên chi tiết về cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh với tư cách là một nhà tư tưởng lớn, một người lãnh đạo cách cách mạng vĩ đại với tác phong lối sống giản dị, khiêm nhường. Qua kiến thức môn học, hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, biết phân tích, đánh giá vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và rèn luyện của bản

thân. Sinh viên có niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, sự nghiêm túc, quyết tâm trong việc góp phần vào mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Các khái niệm then chốt: tư tưởng, nhà tư tưởng, cách mạng, dân tộc, giai cấp, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa tư bản, nhà nước, Đảng Cộng sản Việt Nam

5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam: trang bị cho sinh viên hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các khái niệm then chốt: Đảng Cộng sản Việt Nam, giải phóng dân tộc, đổi mới, chủ nghĩa xã hội

6. Học phần giáo dục quốc phòng

7. Giáo dục thể chất:

- Học phần điền kinh: Học phần gồm 45 tiết được giảng dạy trong học kỳ I của năm thứ nhất.

- Mục tiêu của học phần điền kinh: nhằm phát triển chủ định các tố chất thể lực về sức nhanh, sức mạnh, sức bền.

- Nội dung của học phần gồm: Hướng dẫn sinh viên các bài tập khởi động chung, khởi động chuyên môn, bài tập bổ trợ môn Điền kinh, học các kĩ thuật xuất phát, giữa quãng và về đích cho các nội dung chạy cự ly ngắn 60m, cự ly trung bình 500m đối với nữ, 1000m đối với nam.

- Yêu cầu đối với sinh viên: tự giác, tích cực trong học tập và chấp hành đầy đủ các nội quy, quy chế môn học.

8. Ngoại ngữ 1: Học phần ngoại ngữ 1 nhằm cung cấp từ vựng, ngữ pháp cơ bản và các kỹ năng học ngoại ngữ để sinh viên đạt trình độ ngoại ngữ Trung cấp Pre – intermediate và có thể giao tiếp được trong những tình huống sinh hoạt hàng ngày.

9. Ngoại ngữ 2: Học phần ngoại ngữ 2 cung cấp từ vựng chuyên ngành theo từng chủ đề trong thực hành nghề nghiệp chuyên môn và kết hợp phát triển kỹ năng giao tiếp trong các tình huống ở bệnh viện

10. Tin học đại cương: Học phần Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học, hệ điều hành, kỹ năng khai thác thông tin trên internet, cung cấp tính năng cơ bản của bộ phần mềm Office. Điểm chính của học phần này là sinh viên sẽ được học các kiến thức cơ bản và các kỹ năng: soạn thảo, định dạng trong Microsoft Word; sử dụng bảng tính Microsoft Excel và thiết kế được các trình diễn báo cáo bằng Microsoft PowerPoint

11. Hóa đại cương: Bộ môn hóa học có nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo, tham mưu chương trình đào tạo môn Hóa khối khoa học sức khỏe, đảm bảo công tác chuyên môn. Với thời lượng 15 tiết lý thuyết, chương trình chỉ trình bày những kiến thức cơ bản và cần thiết để sinh viên Cử nhân điều dưỡng có thể học tiếp những môn học cơ sở có liên quan đến hoá học như: Hóa sinh, dược lý học, vệ sinh và môi trường... Nội dung chương trình gồm 3 phần chính: Hóa học đại cương, hóa vô cơ, hóa hữu cơ.

12. Nghiên cứu khoa học điều dưỡng: Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc của sinh viên Điều dưỡng. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó sinh viên có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

13. Sinh học di truyền: Sinh học di truyền là một môn của khoa học tự nhiên nghiên cứu thế giới sinh vật, những nguyên lý chung nhất của sinh giới, những quy luật, những cơ chế của sự sống. Con người - sinh vật được coi là cao cấp nhất cũng chịu sự chi phối của những quy luật, những cơ chế đó. Nhưng cơ thể con người có những tính chất riêng khác với các sinh vật khác. Môn sinh học - di truyền cung cấp cho sinh viên Điều dưỡng những nguyên lý cơ bản của sinh học nói chung, đồng thời nghiên cứu về sinh học di truyền người, giúp hiểu nguyên nhân, cơ chế phát sinh, hậu quả, nguyên lý của các kỹ thuật phát hiện và các biện pháp điều trị bệnh di truyền ở người.

14. Tâm lý – đạo đức y học: Học phần tâm lý – đạo đức y học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ bản. Học phần cung cấp kiến thức cần thiết giúp sinh viên hiểu và cảm nhận về nỗi đau bệnh tật của người bệnh; giúp sinh viên xác định rõ hơn về trách nhiệm và nhiệm vụ cụ thể của mình trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu được các quy định chuẩn mực đạo đức dành cho nhân viên y tế trong thực hành nghề nghiệp. Trên cơ sở đó sinh viên giao tiếp tự tin, chuẩn mực, hiệu quả với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

15. Xác suất Thống kê: Xác suất Thống kê là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân điều dưỡng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Xác suất Thống kê và ứng dụng các kiến thức đó trong Y học. Nội dung học phần gồm hai phần có liên quan chặt chẽ với nhau. Phần Xác suất gồm các định nghĩa và công thức xác suất, ứng dụng xác suất trong chẩn đoán và điều trị, biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất. Các kiến thức xác suất là cơ sở trực tiếp cho quá trình phân tích và suy luận thống kê. Phần Thống kê gồm các khái niệm về mẫu và tổng thể; các bài toán cơ bản về ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến.

16. Dinh dưỡng tiết chế: Học phần này giới thiệu các kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho người bệnh. Các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở

cộng đồng; xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng; các kiến thức cơ bản về an toàn vệ sinh thực phẩm; vận dụng kiến thức về dinh dưỡng – tiết chế vào thực tế chăm sóc người bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phù hợp với văn hóa của người bệnh.

17. Dược lý: Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược lý. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dược lý đại cương, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của các thuốc. Chương trình thực hành đề cập đến một số thực nghiệm trên động vật, phân tích đơn thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc. Qua đó sinh viên hiểu được cơ chế tác dụng của thuốc để sử dụng thuốc trong điều trị, phòng bệnh đạt hiệu quả cao đồng thời giảm các tác dụng không mong muốn của thuốc. Giúp cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc trong cộng đồng được an toàn và hợp lý.

18. Học phần giải phẫu: Học phần Giải phẫu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trên cơ thể người bình thường. Từ đó, áp dụng phát hiện các bất thường về mặt hình thái đồng thời liên hệ về chức năng và thực hành lâm sàng thích hợp với chuyên ngành học.

19. Học phần hóa sinh

Hóa sinh là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chuyển hóa các chất trong cơ thể và chuyển hóa đặc trưng tại các mô, cơ quan, từ đó sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức trên trong việc phân tích các vấn đề sức khỏe và chẩn sóc cho bệnh nhân. Đồng thời giúp sinh viên có kiến thức để học tiếp các môn như : sinh lý, sinh lý bệnh, dược, nội khoa...

20. Học phần ký sinh trùng

Học phần ký sinh trùng là học phần bắt buộc cho phép sinh viên hiểu rõ đặc điểm sinh học, chu kỳ phát triển của ký sinh trùng, đường lây truyền bệnh, đặc điểm dịch tễ học, bệnh học, hiểu được các biểu hiện bệnh lý lâm sàng, các phương pháp và kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ký sinh trùng, nguyên tắc và phác đồ điều trị cũng như nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng thường gặp và ít gặp trên người Việt Nam để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

21. Học phần sinh lý

Sinh lý học là môn học bắt buộc cho sinh viên Điều dưỡng năm thứ 1, cung cấp cho sinh viên kiến thức về chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa hoạt động chức năng của cơ thể ở mức độ tế bào, máu, các dịch của cơ thể, quá trình chuyển hóa, cơ chế điều nhiệt và các hệ cơ quan, giải thích mối liên hệ giữa các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể. Từ đó sinh viên giải thích nguyên lý, ý nghĩa của các xét nghiệm và thăm dò chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

22. Học phần sinh lý bệnh – dị ứng – miễn dịch

Sinh lý bệnh – Miễn dịch là môn học giúp cho người học kiến thức cơ bản về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật

của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch.

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cơ chế chung của phản ứng dị ứng; về cơ chế, biểu hiện, chẩn đoán đặc hiệu và điều trị các bệnh dị ứng thường gặp và các bệnh tự miễn chính

Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh, dị ứng để học tập, nghiên cứu các học phần sau: về cơ chế bệnh sinh, bệnh học, từ đó biết ứng dụng dược lý trong điều trị bệnh hoặc điều trị thuốc dựa trên sự hiểu biết về cơ chế bệnh sinh của bệnh

23. Học phần vi sinh

Học phần Vi sinh y học cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus; cơ chế đề kháng của cơ thể chống vi sinh vật; kháng sinh và kháng kháng sinh; Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật (VSV); Vaccin, huyết thanh; Nhiễm trùng bệnh viện đồng thời giới thiệu cho sinh viên các loại VSV gây bệnh thường gặp ở người: Các đặc điểm sinh học; Cơ chế gây bệnh nhiễm trùng; Hệ thống miễn dịch của cơ thể chống lại chúng ra sao; Mối tương tác giữa VSV với cơ thể dẫn tới hậu quả gì và công tác chăm sóc, can thiệp, phòng ngừa có vai trò như thế nào trong điều trị và phòng tránh các bệnh nhiễm trùng do VSV gây ra..

24. Học phần chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng

Phục hồi chức năng là một môn học lâm sàng, thuộc lĩnh vực y học phục hồi_ là 1 trong 3 lĩnh vực thuộc hệ thống y tế hiện nay (Y học dự phòng, y học điều trị và y học phục hồi).

Sau khi nắm được những kiến thức cơ bản, cần thiết về chăm sóc điều dưỡng một số bệnh thuộc bốn chuyên ngành lớn như Nội, Ngoại, Sản, Nhi và một số chuyên khoa chuyên ngành khác, thì phục hồi chức năng sẽ giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan hơn về nguyên tắc cơ bản chăm sóc, chẩn đoán điều dưỡng và phòng bệnh phục hồi chức năng, mối liên hệ giữa các chuyên khoa, ban ngành- tổ chức xã hội với việc phục hồi, đưa người bệnh, người khuyết tật hội nhập, tái hội nhập cộng đồng, xã hội

Học phần chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Nhận định các triệu chứng nguy cấp trên người bệnh trên cơ sở đó duy trì được tính mạng của người bệnh; thực hiện được các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản; kiến tập các kỹ thuật Điều dưỡng chuyên khoa để phối hợp với bác sỹ cấp cứu cho người bệnh. Bên cạnh đó rèn luyện thái độ, tác phong giao tiếp của người điều dưỡng, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh

25. Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực: Học phần chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Nhận định các triệu chứng nguy cấp trên người bệnh trên cơ sở đó duy trì được tính mạng của người bệnh; thực hiện được các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản; kiến tập các kỹ thuật Điều dưỡng chuyên khoa để phối hợp với bác sỹ cấp cứu cho người bệnh. Bên cạnh đó rèn luyện thái

độ, tác phong giao tiếp của người điều dưỡng, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

26. Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng và Gia đình: đại cương điều dưỡng cộng đồng và gia đình, các vấn đề về sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, công tác dự phòng tại trạm y tế, điều tra sức khỏe, sàng lọc sức khỏe và lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng), chăm sóc sức khỏe ban đầu, những kỹ thuật sơ cấp cứu tại cộng đồng, quản lý sức khỏe tại cộng đồng, các chăm sóc sức khỏe tại gia đình (chăm sóc người bệnh tại trạm y tế theo nguyên tắc y học gia đình, các thủ thuật điều dưỡng cơ bản tại xã, quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế theo nguyên tắc y học gia đình, chăm sóc trẻ em theo nguyên tắc y học gia đình, điều dưỡng gia đình trong chăm sóc các bệnh mãn tính không lây, chăm sóc cuối đời. Trước khi sinh viên lên lớp học, sinh viên cần đọc giáo trình về nội dung bài học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình hoặc thảo luận. Ngoài ra, sinh viên đọc các tài liệu tham khảo có liên quan đến chủ đề bài học để hiểu về chủ đề họ.

27. Chăm sóc sức khỏe người bệnh Truyền nhiễm: Đây là một khóa học 2 tuần, sinh viên đi thực tập tại khoa Bệnh nhiệt đới – Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp. Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, nguyên tắc điều trị, từ đó nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Truyền nhiễm. Sinh viên được trải nghiệm, đánh giá nhận định, chẩn đoán và lập Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Truyền nhiễm tại cơ sở thực hành.

28. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Học phần chăm sóc sức khỏe người cao tuổi là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến sự thay đổi về giải phẫu, sinh lý, tâm lý, những thiếu hụt chức năng, dùng thuốc và vấn đề thường gặp ở người cao tuổi. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng được các kiến thức này để xây dựng kế hoạch chăm sóc trong chăm sóc người cao tuổi trên lâm sàng và trong cộng đồng để nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi.

29. Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 1: Học phần chăm sóc người bệnh ngoại khoa 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng. Học phần trang bị cho sinh viên Điều dưỡng năm 3 những kiến thức cơ bản về bệnh học và chăm sóc của bệnh lý Ngoại khoa cơ bản, tiêu hóa, tiết niệu. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức này để xây dựng các kế hoạch chăm sóc và thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh ngoại khoa 1.

30. Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 2: Học phần chăm sóc người bệnh ngoại khoa 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng. Học phần trang bị cho sinh viên Điều dưỡng năm 3 những kiến thức cơ bản về bệnh học và chăm sóc của bệnh lý ngoại khoa thần kinh, cơ xương khớp hô hấp và mạch máu. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức này để xây dựng các kế hoạch chăm sóc và thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh ngoại khoa 2.

31. Chăm sóc người bệnh nội khoa 3: Học phần chăm sóc người bệnh ngoại khoa 3 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng. Học phần trang bị cho

sinh viên Điều dưỡng năm 4 những kiến thức về bệnh học và chăm sóc của bệnh lý ngoại khoa. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có khả năng xây dựng các kế hoạch chăm sóc và thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh ngoại khoa một cách độc lập.

32. Học phần điều dưỡng nội khoa 1: là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần cung cấp cho sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 những kiến thức về chăm sóc người bệnh có các bệnh nội khoa về hệ tiêu hóa, hô hấp, huyết học. Những kiến thức sinh viên được tích lũy trong học phần này bao gồm bệnh học và chăm sóc các vấn đề sức khỏe của người bệnh mắc bệnh trên. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức này để xây dựng kế hoạch chăm sóc và thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh nội khoa 1

33. Chăm sóc người bệnh nội khoa 2: Học phần điều dưỡng nội khoa 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần cung cấp cho sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 những kiến thức trong chăm sóc người bệnh có các bệnh nội khoa 2 về hệ tiết niệu, nội tiết, cơ – xương - khớp, tim mạch. Những kiến thức sinh viên được tích lũy trong học phần này bao gồm bệnh học và chăm sóc các vấn đề sức khỏe của người bệnh mắc bệnh trên. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức này để xây dựng các kế hoạch chăm sóc và thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh nội khoa 2.

34. Chăm sóc người bệnh nội khoa 3: Chăm sóc người bệnh nội khoa 3 là một học phần lâm sàng bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và thái độ trong chăm sóc người bệnh mắc các bệnh nội khoa. Học phần rèn luyện cho sinh viên nhận định được các vấn đề chăm sóc và xác định các chẩn đoán chăm sóc theo thứ tự ưu tiên cho người bệnh. Đồng thời, xây dựng, thực hiện được các can thiệp điều dưỡng và đánh giá chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện thực hiện được các kỹ thuật Điều dưỡng nội khoa, thúc đẩy vai trò chăm sóc người bệnh của gia đình người bệnh.

35. Chăm sóc sức khỏe tâm thần: Sức khỏe tâm thần là trạng thái tâm thần hoàn toàn thoải mái, khỏe mạnh, không có các rối loạn hay dị tật tâm thần. Việc chăm sóc sức khỏe tâm thần là vô cùng quan trọng. Nếu không biết cách vệ sinh, chăm sóc sức khỏe tâm thần có thể dẫn đến một số rối loạn tâm thần, ảnh hưởng đến cuộc sống của người bệnh. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần, các nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ có thể ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần. Hướng dẫn sinh viên nhận biết một số rối loạn tâm thần thường gặp, các biện pháp chăm sóc, theo dõi, quản lý bệnh tâm thần tại cộng đồng.

36. Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1: Học phần chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên điều dưỡng những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em, các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển, bệnh học và kiến thức về chăm sóc bệnh Nhi có các bệnh về hệ tiêu hóa, hô hấp, truyền nhiễm, thần kinh. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức này để xây

dựng kế hoạch chăm sóc và thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe trẻ em 1.

37. Chăm sóc sức khỏe trẻ em 2: Học phần chăm sóc sức khỏe trẻ em là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần cung cấp cho sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 những kiến thức về chăm sóc trẻ em có các bệnh về hệ tiết niệu, tim mạch, hồi sức – sơ sinh, thần kinh. Những kiến thức sinh viên được tích lũy trong học phần này bao gồm những khái niệm, bệnh học và chăm sóc các vấn đề sức khỏe của trẻ khi mắc bệnh trên. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức này để phân tích các vấn đề chăm sóc hay nhu cầu sức khỏe của trẻ, đưa ra được các chẩn đoán chăm sóc theo thứ tự ưu tiên, xây dựng các can thiệp điều dưỡng, thực hiện các can thiệp điều dưỡng và đánh giá chăm sóc phù hợp. Đồng thời tăng cường năng lực chăm sóc người bệnh trên thực tế lâm sàng.

38. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 1: Học phần Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ gồm 4 tín chỉ: Phần lý thuyết: gồm 2 tín chỉ (30 tiết), sinh viên sẽ được học tại giảng đường, phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh học sản phụ khoa, cung cấp kiến thức về chăm sóc người bệnh sản phụ khoa. Việc nắm vững kiến thức này sẽ giúp cho sinh viên nhận định và đưa ra được kế hoạch chăm sóc cho người bệnh sản phụ khoa trên thực tế lâm sàng. Phần thực hành tại bệnh viện: gồm 2 tín chỉ (90 tiết), phần này trang bị cho sinh viên năng lực thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản cho người bệnh sản phụ khoa, ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho các đối tượng trên, tư vấn cho người bệnh, gia đình và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực sản phụ khoa.

39. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 2: Học phần Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 2 gồm 2 tín chỉ lâm sàng (90 tiết), được giảng dạy tại bệnh viện, nối tiếp sau học phần Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ 1, cung cấp cho sinh viên điều dưỡng hầu hết những kỹ năng cần thiết phải có trong lĩnh vực hành nghề Điều dưỡng sản phụ khoa.

40. Điều dưỡng cơ bản 1: Học phần Điều dưỡng cơ bản 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng đa khoa. Đây là học phần chuyên ngành giúp sinh viên năm thứ 2 có kiến thức cơ bản về chuyên ngành học, được rèn luyện các kỹ năng cơ bản khi thực tập các kỹ thuật điều dưỡng trên các vật liệu học tập tại phòng thực hành. Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến cơ sở lý thuyết của các kỹ năng điều dưỡng cơ bản, các trường hợp áp dụng, không áp dụng, các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên nhận biết và xử lý những dấu hiệu bất thường khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng. Học phần thực hành rèn luyện cho sinh viên điều dưỡng thực hành các kỹ năng điều dưỡng cơ bản trên mô hình và vật liệu học tập theo đúng quy trình dựa theo bảng kiểm học tập. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi chạy trạm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành trên người bệnh trong các học phần tiếp sau.

41. Điều dưỡng cơ bản 2: Học phần Điều dưỡng cơ bản 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng đa khoa. Đây là học phần chuyên ngành giúp sinh viên năm thứ 2 có kiến thức cơ bản về chuyên ngành học, được rèn luyện các kỹ năng chuyên ngành điều dưỡng trong thực tập các kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu trên mô hình và các vật liệu học tập tại phòng thực hành. Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến cơ sở lý thuyết của các kỹ năng điều dưỡng chuyên ngành, các trường hợp áp dụng, không áp dụng, các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng chuyên ngành trên người bệnh. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên nhận biết và xử lý những dấu hiệu bất thường khi thực hiện các quy trình điều dưỡng. Học phần thực hành rèn luyện cho sinh viên điều dưỡng thực hành các kỹ năng điều dưỡng chuyên ngành theo đúng quy trình dựa theo bảng kiểm học tập. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi chạy trạm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành trên người bệnh trong các học phần tiếp sau.

42. Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng: Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe, vai trò của người điều dưỡng trong việc truyền thông giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng; lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng đối tượng truyền thông. Trước khi sinh viên lên lớp học, sinh viên cần đọc giáo trình về nội dung bài học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình hoặc thảo luận. Ngoài ra, sinh viên đọc các tài liệu tham khảo có liên quan đến chủ đề bài học để hiểu chủ đề học sâu sắc hơn.

43. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng: Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng là môn học cung cấp cho sinh viên điều dưỡng những kiến thức cơ bản về dịch tễ học, nhiễm khuẩn; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; nguy cơ nhiễm khuẩn đối với người bệnh, nhân viên y tế; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn. Sau khi học xong học phần này người học có thể vận dụng vào việc phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện, trong hoạt động chăm sóc của điều dưỡng viên, đồng thời phòng và xử trí được các tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

44. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng: Học phần chứa đựng những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Từ những kiến thức đó giúp sinh viên hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp, trước tiên là với đồng nghiệp, sau đó là kỹ năng giao tiếp với cộng đồng, người nhà người bệnh, người bệnh, để từ đó, sinh viên biết cách tạo mối quan hệ tốt với người bệnh, kỹ thuật giao tiếp lấy người bệnh là trung tâm, nhận định chính xác tình trạng của người bệnh. Chính điều này sẽ mang lại những hiệu quả trong công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh cho điều dưỡng. Trước khi sinh viên lên lớp học, sinh viên cần đọc giáo trình về nội dung bài học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình hoặc thảo luận. Ngoài ra, sinh viên đọc các tài liệu tham khảo có liên quan đến chủ đề bài học để hiểu chủ đề học sâu sắc hơn.

45. Quản lý điều dưỡng: Quản lý điều dưỡng là môn học cung cấp cho sinh viên điều dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của điều dưỡng các cấp. Môn học còn cung cấp

cho sinh viên khái niệm cơ bản về quản lý, lãnh đạo, các kỹ năng quản lý áp dụng trong công tác quản lý điều dưỡng cấp khoa/phòng, bệnh viện. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng để phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả từ đó góp phần vào quản lý và cải tiến chất lượng chăm sóc người bệnh. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng cơ bản để thực hiện vai trò của điều dưỡng trưởng các cấp.

46. Điều dưỡng cơ bản 3- Thực hành bệnh viện: Học phần Điều dưỡng cơ bản 3 – Thực hành bệnh viện là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng đa khoa. Đây là học phần chuyên ngành giúp sinh viên năm thứ 2 có cơ hội được rèn luyện các kỹ năng trong thực tập các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc cơ bản cho người bệnh trên lâm sàng. Học phần cung cấp một số các nội dung cơ bản liên quan đến hướng dẫn thực hành trên người bệnh như nhận định tình trạng và nhu cầu cần can thiệp các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, thực hiện quy trình điều dưỡng, và theo dõi người bệnh sau khi thực hiện quy trình trên lâm sàng. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên nhận biết và xử lý những dấu hiệu bất thường khi thực hiện quy trình điều dưỡng.

47. Thực tế 1: Đợt thực tế tốt nghiệp tổ chức vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được qui trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện. Đợt thực tế tốt nghiệp sẽ củng cố kỹ năng tư duy thấu đáo và kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng quản lý và lãnh đạo, hoạt động nhóm hiệu quả và an toàn; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả; chăm sóc lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm trong các môi trường chăm sóc khác nhau; hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống y tế và cộng đồng.

48. Thực tế 2: Đợt thực tế tốt nghiệp tổ chức vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được qui trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện. Đợt thực tế tốt nghiệp sẽ củng cố kỹ năng tư duy thấu đáo và kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng quản lý và lãnh đạo, hoạt động nhóm hiệu quả và an toàn; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả; chăm sóc lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm trong các môi trường chăm sóc khác nhau; hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống y tế và cộng đồng.

49. Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng nội khoa: Học phần thay thế tốt nghiệp Điều dưỡng nội khoa là học phần bắt buộc nhằm hoàn thiện cho sinh viên năm cuối các

kỹ năng trong chăm sóc sức khỏe người lớn mắc bệnh nội khoa. Các kỹ năng này bao gồm lập kế hoạch chăm sóc và thực hành thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng nội khoa. Từ đó, giúp sinh viên tự tin, chia sẻ, cảm thông với người bệnh trong thực hành nghề nghiệp

50. Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng sản khoa: gồm 4 tín chỉ. Học phần nhắc lại cho sinh viên những kiến thức lâm sàng cơ bản về người bệnh sản phụ khoa, giúp cho sinh viên có kỹ năng nhận định và đưa ra được kế hoạch chăm sóc đúng cho người bệnh và sản phụ. Môn học cũng trang bị cho sinh viên năng lực thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản phụ khoa.

51. Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng nhi khoa: Học phần sẽ củng cố, nâng cao cho sinh viên các kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em; Các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Chăm sóc sức khỏe cho trẻ em (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc một số bệnh thường gặp)

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chăm sóc các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho trẻ em

52. Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng ngoại khoa: Học phần thay thế tốt nghiệp Điều dưỡng ngoại khoa là học phần bắt buộc, hoàn thiện cho sinh viên năm cuối những kỹ năng cần thiết trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh ngoại khoa cụ thể của người điều dưỡng trình độ đại học trước khi ra trường công tác. Các kỹ năng này bao gồm lập kế hoạch chăm sóc và thực hành thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng ngoại khoa. Từ đó, giúp sinh viên tự tin, chia sẻ, cảm thông với người bệnh trong thực hành nghề nghiệp

53. Học phần Dịch tễ học: Dịch tễ học là môn khoa học gắn liền với sức khỏe mang tính cộng đồng, vừa cung cấp những kiến thức về quy luật xuất hiện, tiến triển và lui tàn của bệnh – dịch trong xã hội loài người, vừa trang bị kiến thức về phương pháp nghiên cứu sức khỏe quần thể trong những điều kiện tự nhiên và xã hội cụ thể.

Môn Dịch tễ học gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và không chệch sai số trong nghiên cứu dịch tễ học. Đào tạo dịch tễ học vừa là đào tạo kiến thức và thực hành phòng chống dịch bệnh, vừa đào tạo phương pháp nghiên cứu trong các lĩnh vực Y học và Y - Xã hội học có liên quan.

54. Học phần sức khỏe môi trường: Sức khỏe môi trường cung cấp thông tin về khái niệm; các chỉ số đánh giá các dạng môi trường cơ bản; các tác nhân, nguồn phát sinh ô nhiễm, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát tán ô nhiễm và nguyên tắc dự phòng. Môn học giúp cho học viên có kiến thức tổng quan về môi trường.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên

55. Học phần Da liễu: Da liễu là một môn chuyên ngành sâu, cung cấp kiến thức về các bệnh ngoài da và bệnh hoa liễu (bệnh lây truyền qua đường tình dục). Học phần này cung cấp cho các bạn sinh viên các kiến thức để nhận định, chẩn đoán, và lập kế hoạch chăm sóc, tư vấn phòng bệnh một số bệnh da và bệnh lây truyền qua đường tình dục.

56. Học phần Lao: Học phần lao là học phần tự chọn gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành lao và bệnh phổi. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ về bệnh lao, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, chăm sóc các bệnh lý về lao: lao phổi, lao cơ quan khác, phòng bệnh lao, chương trình chống lao quốc gia...

57. Học phần Mắt: Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cấu trúc giải phẫu và sinh lý mắt, liên quan giữa giải phẫu và lâm sàng, chẩn đoán chăm sóc được một số bệnh mắt thường gặp, hướng dẫn cho người bệnh biết tự tra thuốc, đề phòng một số bệnh nhãn khoa thường gặp

58. Học phần Răng hàm mặt: Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cấu trúc giải phẫu và sinh lý một số thành phần trong hệ thống nhai (bộ răng, tổ chức quanh răng, hệ thống xương hàm,...), liên quan giữa giải phẫu và lâm sàng, chẩn đoán chăm sóc được một số bệnh răng miệng và chấn thương hàm mặt thường gặp, tư vấn dự phòng một số bệnh răng miệng thường gặp.

59. Học phần Tai mũi họng: Nắm được kiến thức giải phẫu và sinh lý cơ bản các cơ quan Tai Mũi Họng. Nắm được cách khám, các thao tác khám và hình ảnh giải phẫu bình thường. Nắm được triệu chứng lâm sàng, hình ảnh tổn thương bệnh học của một số bệnh cơ bản chuyên khoa Tai Mũi Họng. Chẩn đoán được các vấn đề cần chăm sóc trong bệnh lý thông thường của Tai Mũi Họng, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc.

60. Học phần Thần kinh: - Nắm được kiến thức giải phẫu và sinh lý cơ bản hệ Thần kinh. Nắm được cách khám, các thao tác khám và hình ảnh giải phẫu bình thường. Nắm được triệu chứng lâm sàng, hình ảnh tổn thương bệnh học của một số bệnh cơ bản chuyên khoa Thần Kinh. Chẩn đoán được các vấn đề cần chăm sóc trong bệnh lý thông thường của Thần Kinh, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch chăm sóc.

61. Học phần Chăm sóc người bệnh nội khoa nâng cao: Học phần chăm sóc người bệnh nội khoa nâng cao là học phần tự chọn cho sinh viên điều dưỡng năm thứ 4. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về chăm sóc người lớn mắc các bệnh nội khoa cấp và mạn tính. Xây dựng được những quy trình chăm sóc nâng cao và thực hiện được những kỹ thuật điều dưỡng nội khoa nâng cao.

62. Học phần Chăm sóc người bệnh ngoại khoa nâng cao: Đây là học phần tự chọn, chăm sóc người bệnh ngoại khoa nâng cao là học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về nhận định các triệu chứng lâm sàng của bệnh lý Ngoại khoa. Trên cơ sở đó lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc và các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa ngoại.

VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

TT	Học phần	Phương pháp dạy học									Tổng hợp số phương pháp
		Thuyết trình	Thảo luận	Click er	Ca bệnh	Đóng vai	Thực hành	Seminar	Dạy bên giường bệnh	Động não	
1	Triết học Mác- Lênin	X	x				X	X			4
2	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	X	x				X	X			4
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	x				X	X			4
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x					X				2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x					X				2
6	Giáo dục quốc phòng an ninh										
7	Giáo dục thể chất	X					X				2
8	Ngoại ngữ 1	X	x			X	X				4
9	Ngoại ngữ 2	X	x			X	X				4
10	Tin học đại cương	X	x				X				3
11	Hoá học đại cương	X	x	x							3
12	Nghiên cứu khoa học Điều dưỡng	x	x								2
13	Sinh học và di truyền	X	x	x			X				4

TT	Học phần	Phương pháp dạy học									Tổng hợp số phương pháp
		Thuyết trình	Thảo luận	Click er	Ca bệnh	Đóng vai	Thực hành	Seminar	Dạy bên giường bệnh	Động não	
14	Tâm lý Y học- Đạo đức Y học	X	x								2
15	Xác suất- Thống kê y học	X	x				X				3
16	Dinh dưỡng lâm sàng	X	x		x	X					4
17	Dược lý	X	x								2
18	Giải phẫu	x	x	X							
19	Hoá sinh	X	x								2
20	Ký sinh trùng	X	x	X			X				4
21	Sinh lý	X	x								2
22	Sinh lý bệnh- Miễn dịch- Di ứng lâm sàng	X	x								2
23	Vi sinh	X	x								2
24	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	x	x			x					3
25	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng và gia đình	X	x				X				3
26	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh	X	x						x		3

TT	Học phần	Phương pháp dạy học									Tổng hợp số phương pháp
		Thuyết trình	Thảo luận	Click er	Ca bệnh	Đóng vai	Thực hành	Seminar	Dạy bên giường bệnh	Động não	
	truyền nhiễm										
27	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	X	x						x		3
28	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	X	x					X	x		4
29	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 1	X	x			X				x	4
30	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 2	X	x			X			x	x	5
31	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 3	X	x		X				x		4
32	Chăm sóc người bệnh nội khoa 1	X	x		X	X	X		x		6
33	Chăm sóc người bệnh nội khoa 2	X	x		X	X	X		x		6
34	Chăm sóc người bệnh nội khoa 3	X	x		X	X			x		5

TT	Học phần	Phương pháp dạy học									Tổng hợp số phương pháp
		Thuyết trình	Thảo luận	Clicker	Ca bệnh	Đóng vai	Thực hành	Seminar	Dạy bên giường bệnh	Động não	
35	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần	X	x								2
36	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em 1	X	x						x		3
37	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em 2	X	x						x		3
38	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và bà mẹ 1	X	x		X				x		4
39	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và bà mẹ 2	X	x								2
40	Điều dưỡng cơ bản 1	X	x								2
41	Điều dưỡng cơ bản 2	X	x								2
42	Giáo dục sức khoẻ trong thực hành điều dưỡng	X	x			X					3
43	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng	X	x		X		X				4
44	Kỹ năng	X	x			X					3

TT	Học phần	Phương pháp dạy học									Tổng hợp số phương pháp
		Thuyết trình	Thảo luận	Click er	Ca bệnh	Đóng vai	Thực hành	Semi nar	Dạy bên giường bệnh	Động não	
	giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng										
45	Quản lý Điều dưỡng	X	x			X					3
46	Điều dưỡng cơ bản 3-TH bệnh viện								x		1
47	Thực tế 1	X	x								2
48	Thực tế 2	X	x								2
49	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng nội khoa	X	x		X		X				4
50	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng ngoại khoa	x	x		x		X				4
51	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng sản khoa		x		x						2
52	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng nhi		x		x				x		3
53	Dịch tễ học	X	x		x						3

TT	Học phần	Phương pháp dạy học									Tổng hợp số phương pháp
		Thuyết trình	Thảo luận	Click er	Ca bệnh	Đóng vai	Thực hành	Seminar	Dạy bên giường bệnh	Động não	
54	Sức khoẻ môi trường	X	x				X				3
55	Da liễu	X	x								2
56	Lao	X	x								2
57	Mắt	X			x						2
58	Răng hàm mặt	x							x		2
59	Tai mũi họng	X	x								2
50	Thần kinh	x						x			
51	Chăm sóc người bệnh nội khoa nâng cao				X		x		x		3
52	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa nâng cao	X	x		X	X			X		5

IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

TT	Học phần	Phương pháp lượng giá								Rubric	Tổng hợp số phương pháp	
		MCQ	Tự luận	OSC E	OSP E	Bảng kiểm	Thuyết trình	Vấn đáp	Thực hành			
1	Triết học Mác-Lênin	x	x									2
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x	x									2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x									2
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x										1
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x									2
6	Giáo dục quốc phòng an ninh											
7	Giáo dục thể chất								x			1
8	Ngoại ngữ 1	x							x			2
9	Ngoại ngữ 2	x	x									2
10	Tin học đại cương	x							x			2
11	Hoá học đại cương	x										1

TT	Học phần	Phương pháp lượng giá								Rubric	Tổng hợp số phương pháp
		MCQ	Tự luận	OSCE	OSPE	Bảng kiểm	Thuyết trình	Vấn đáp	Thực hành		
12	Nghiên cứu khoa học Điều dưỡng						x			x	2
13	Sinh học và di truyền	x			x						2
14	Tâm lý Y học- Đạo đức Y học	x	x								2
15	Xác suất- Thống kê y học	x							x		2
16	Dinh dưỡng lâm sàng	x							x		2
17	Dược lý	x									1
18	Giải phẫu	x		x							
19	Hoá sinh	x				x		X			3
20	Ký sinh trùng	x		x							2
21	Sinh lý	x							x		2
22	Sinh lý bệnh- Miễn dịch- Dự ứng lâm sàng	x						X			2
23	Vi sinh	x							x		2
24	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	x				x					2

TT	Học phần	Phương pháp lượng giá								Rubric	Tổng hợp số phương pháp	
		MCQ	Tự luận	OSC E	OSP E	Bảng kiểm	Thuyết trình	Vấn đáp	Thực hành			
25	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng và gia đình	x							X			2
26	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh truyền nhiễm	x				x						2
27	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	x			x					x		3
28	Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi	x			x					x		3
29	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 1	x			x	x			X			4
30	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 2	x			x	x			X			4
31	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 3				x	x				X		3
32	Chăm sóc người bệnh nội khoa 1	x			x	x			X			4

TT	Học phần	Phương pháp lượng giá								Rubric	Tổng hợp số phương pháp
		MCQ	Tự luận	OSC E	OSP E	Bảng kiểm	Thuyết trình	Vấn đáp	Thực hành		
33	Chăm sóc người bệnh nội khoa 2	x			x	x		X			4
34	Chăm sóc người bệnh nội khoa 3				x	x			X		3
35	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần	x			x			X			3
36	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em 1	x			x	x		X			4
37	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em 2	x			x	x		X			4
38	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và bà mẹ 1	x				x		X	X		4
39	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và bà mẹ 2				x				X		2
40	Điều dưỡng cơ bản 1	x			x						2
41	Điều dưỡng cơ bản 2	x			x						2
42	Giáo dục sức khoẻ trong thực hành điều	x							x		2

TT	Học phần	Phương pháp lượng giá								Rubric	Tổng hợp số phương pháp
		MCQ	Tự luận	OSCE	OSPE	Bảng kiểm	Thuyết trình	Vấn đáp	Thực hành		
	dưỡng										
43	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng	x							x		2
44	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	x							x		2
45	Quản lý Điều dưỡng	x							X		2
46	Điều dưỡng cơ bản 3- TH bệnh viện				x	x					2
47	Thực tế 1					x		X	X		3
48	Thực tế 2					x		X	X		3
49	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng nội khoa				x			X	x		3
50	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng ngoại khoa				x			X	x		3
51	Học phần thay thế tốt nghiệp				x			X	x		3

TT	Học phần	Phương pháp lượng giá								Rubric	Tổng hợp số phương pháp
		MCQ	Tự luận	OSC E	OSP E	Bảng kiểm	Thuyết trình	Vấn đáp	Thực hành		
	nghiệp điều dưỡng sản khoa										
52	Học phần thay thế tốt nghiệp điều dưỡng nhi				x			X	x		3
53	Dịch tễ học	x							x		2
54	Sức khoẻ môi trường					x			x		2
55	Da liễu	x				X					2
56	Lao	x						X			2
57	Mắt	x		X							2
58	Răng hàm mặt	x						x			2
59	Tai mũi họng	x							X		2
60	Thần kinh	x						x			2
61	Chăm sóc người bệnh nội khoa nâng cao				x			x	X		3
62	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa nâng cao				x			X	X		3

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hoạt động dạy-học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường truyền thống và giảng đường thông minh, chuyên biệt.

- Thực hành các module/học phần y học cơ sở : tại các phòng thực hành chức năng tại các bộ môn, labo Trung tâm.

- Thực tập tiền lâm sàng tại trung tâm Huấn luyện kỹ năng y khoa.

- Sinh viên đi lâm sàng từ học kỳ I – năm 3 tại các bệnh viện/trung tâm y tế tuyến quận/huyện trong thành phố Hải Phòng: BV Đại học Y Hải Phòng, Viện Y học hải quân, Kiến An, Thủy Nguyên, Hồng Bàng, Lê Chân, Dương Kinh, Hải An...

- Thực hành lâm sàng các chuyên khoa chuyên sâu của ngành tại bệnh viện tuyến tỉnh/thành phố tại Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh...:

+ BV hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng ;

+ BV Đại học Y Hải Phòng ;

+ BVĐK Kiến An;

+ BV Phụ sản Hải Phòng;

+ BV Trẻ em Hải Phòng;

+ BV Tâm thần Hải Phòng ;

+ BV Phổi Hải Phòng ;

+ BV Y học cổ truyền Hải Phòng ;

+ Viện Y học biển ;

+ BV Việt Nam – Thụy Điển Uông Bí ;

+ BV quốc tế Green ;

+ BVĐK quốc tế Hải Phòng.

XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đối sánh với các CTĐT cùng chuyên ngành trong nước

Tiêu chí đối sánh	HPMU	Đại học Điều dưỡng Nam Định (2022)
Mục tiêu của CTĐT	Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; có ý thức phục vụ nhân dân; có sức khỏe và năng lực tư duy; làm việc độc lập và phối hợp, tự học và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; có ý thức phục vụ nhân dân; có sức khỏe và năng lực tư duy; làm việc độc lập và phối hợp, tự học và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
CĐR của CTĐT	15 CĐR (70PIs) (3lĩnh vực: KT; 7 TH; 5 phát triển cá nhân, nghề nghiệp)	10 CĐR (24PIs) nhưng ko phân theo lĩnh vực)
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm
Khối lượng học tập toàn khóa	138 TC (ko bao gồm 10TC của GDQP và GDTC) LT: 67; TH:70 (QĐ: 2022)	143 TC (ko bao gồm TC GDQP và GDTC) (QĐ: 31/8/2022)
Cấu trúc CTĐT	- Cấu trúc CTĐT gồm môn chung, môn cơ sở ngành, kiến thức ngành, môn bổ trợ, môn tự chọn, môn tốt nghiệp.	- Cấu trúc CTĐT gồm các môn đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, môn tự chọn, môn tốt nghiệp
Phương pháp lượng giá	- Sử dụng đa dạng phương pháp lượng giá/ đánh giá sinh viên trong các học phần theo đúng quy định. Các Phương pháp bao gồm: - MCQ - Tự luận (Giáo dục quốc phòng – an ninh) - OSCE - Thuyết trình - Vấn đáp - Thực hành ...	- Kiểm tra định kỳ, thi kết thúc học phần theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và các quy định của Nhà trường. - Kết hợp nhiều phương pháp lượng giá, coi trọng việc đánh giá quá trình. - Hình thức và số lần kiểm tra, thi và trọng số mỗi hình thức lượng giá được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần đã được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy học phần.

Tiêu chí đối sánh	HPMU	Đại học Điều dưỡng Nam Định (2022)
Phương pháp dạy-học	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đa dạng phương pháp dạy – học định. Các Phương pháp bao gồm - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Clicker - Ca bệnh - Đóng vai - Seminar - Thực hành kỹ năng ... 	<p>- Lấy người học làm trung tâm; coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua “thực học, thực hành” - Áp dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp – dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên hình thành năng lực nghề nghiệp điều dưỡng - Tăng cường hiệu quả các buổi thực hành phòng thí nghiệm, thực hành tiền lâm sàng, thực hành lâm sàng tại bệnh viện và thực tế tại cộng đồng trên cơ sở xây dựng kế hoạch bài giảng cụ thể, chi tiết chú trọng hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên tăng cường tự thực hành, tự lượng giá và phân công giảng viên kết hợp với giảng viên thỉnh giảng tại cơ sở lâm sàng huấn luyện, theo dõi, giám sát và hỗ trợ các hoạt động thực hành lâm sàng của sinh viên, xây dựng kế hoạch, phương pháp và công cụ lượng giá phù hợp với từng kỹ thuật, kỹ năng chăm sóc.</p>

Tiêu chí đối sánh	HPMU	ĐH Phenika (2021)	ĐH Y Hà Nội (2018)
Mục tiêu của CTĐT	<p>Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; có ý thức phục vụ nhân dân; có sức khỏe và năng lực tư duy; làm việc độc lập và phối hợp, tự học và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.</p>	<p>Đào tạo người Cử nhân điều dưỡng có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, có kiến thức khoa học cơ bản vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học để có thể thiết kế, thực thi và vận hành các hệ thống chăm sóc sức khỏe hay các quy trình điều dưỡng, từ</p>	

Tiêu chí đối sánh	HPMU	ĐH Phenika (2021)	ĐH Y Hà Nội (2018)
		đó xây dựng cho mình kỹ năng lãnh đạo và có thể hướng tới khởi nghiệp trong lĩnh vực điều dưỡng đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	
CĐR của CTĐT	15 CĐR (70PIs) (3lĩnh vực: KT; 7 TH; 5 phát triển cá nhân, nghề nghiệp)	35 CĐR; chia 3 lĩnh vực: KT; 23 TH; 9 phát triển các nhân, nghề nghiệp...)	9 CĐR (3 lĩnh vực: Hành nghề theo PL; thực hành CS; quản lý và phát triển nghề)
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm
Khối lượng học tập toàn khóa	138 TC (ko bao gồm 10TC của GDQP và GDTC) LT: 67; TH:70 (QĐ: 2022)	147 TC(QĐ: 20/7/2021)	141 TC (theo module HPET; ko bao gồm 11 TC GDTC và QP) (QĐ: 21/7/2020) LT: 71TC; TH: 69TC
Cấu trúc CTĐT	- Cấu trúc CTĐT gồm môn chung, môn cơ sở ngành, kiến thức ngành, môn bổ trợ, môn tự chọn, môn tốt nghiệp.		- Cấu trúc CTĐT gồm Khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành.
Phương pháp lượng giá			
Phương pháp dạy-học	- Sử dụng đa dạng phương pháp dạy – học định. Các Phương pháp bao gồm - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Clicker - Ca bệnh - Đóng vai - Seminar - Thực hành kỹ năng ...	- Lồng ghép giữa cách tiếp cận dựa trên vấn đề và CDIO, tạo cơ hội để sinh viên tự học, tự tìm tòi, khám phá, phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo.	

Đối sánh với các CTĐT cùng chuyên ngành/chuyên ngành gần quốc tế

Tiêu chí đối sánh	HPMU	Mahidol University (2017 – 2021)	
Mục tiêu của CTĐT			
CĐR của CTĐT			
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	
Khối lượng học tập toàn khóa	138 credits	137 credits	
Cấu trúc CTĐT			
Phương pháp lượng giá			
Phương pháp dạy-học			

XII. PHỤ LỤC

Bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6)

(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Chuẩn đầu ra – Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:	
Kiến thức	
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.
Kỹ năng	
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
TC1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
TC2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
TC3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
TC4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Khung năng lực ASEAN

At its 6th Meeting held on 10-11 November 2009 in Vientiane Lao-PDR, the AJCCN agreed on **5 domains of the ASEAN Nursing Common Core Competencies** as follows:

1. Ethics and Legal Practice (Domain 1 – DO1)
2. Professional Nursing Practice (DO2)
3. Leadership and management (DO3)
4. Education and Research (DO4)
5. Professional, Personal and Quality Development (DO5)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

A blue ink signature, likely belonging to PGS. TS. Vũ Văn Quang.

PGS. TS. Vũ Văn Quang

CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3474/QĐ-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2022
của Bộ Y tế)

Lĩnh vực 1: Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

Tiêu chuẩn 1: Hành nghề theo quy định của pháp luật

Tiêu chí 1: Thể hiện sự hiểu biết về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật liên quan đến chăm sóc sức khỏe và thực hành điều dưỡng.

Tiêu chí 2: Tuân thủ pháp luật và các quy định chuyên môn, quy tắc ứng xử liên quan đến chăm sóc sức khỏe, hành nghề điều dưỡng tại nơi làm việc.

Tiêu chí 3: Sử dụng chứng chỉ hành nghề có giá trị pháp lý và thực hành trong phạm vi chuyên môn.

Tiêu chí 4: Báo cáo trung thực hành vi vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp liên quan đến chăm sóc sức khỏe, thực hành điều dưỡng và chịu trách nhiệm cá nhân về báo cáo đó.

Tiêu chuẩn 2: Hành nghề theo đạo đức nghề nghiệp

Tiêu chí 1: Nhận ra các vấn đề liên quan tới đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động chăm sóc người bệnh và đưa ra các quyết định phù hợp với đạo đức của người hành nghề.

Tiêu chí 2: Hành nghề theo các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế.

Tiêu chí 3: Chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định chăm sóc và can thiệp điều dưỡng.

Lĩnh vực 2: Thực hành chăm sóc chuyên nghiệp

Tiêu chuẩn 3: Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, khoa học điều dưỡng trong thực hành

Tiêu chí 1: Vận dụng kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng hoạt động của các cơ quan, hệ thống trong cơ thể vào thực hành điều dưỡng cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 2: Nhận ra các vấn đề sức khỏe và yếu tố nguy cơ đến sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 3: Đưa ra quyết định chăm sóc dựa trên nhận định, phân tích, phân biệt, tổng hợp về sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 4: Ứng dụng các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng trong dự phòng, nâng cao sức khỏe, phục hồi chức năng cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 4: Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế, chăm sóc tại nhà và chăm sóc sức khỏe cộng đồng phù hợp, hiệu quả.

Tiêu chí 1: Khám, nhận định, phân tích và đánh giá tình trạng sức khỏe, bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng để xác định vấn đề ưu tiên và phân cấp chăm sóc phù hợp.

Tiêu chí 2: Thiết lập chẩn đoán điều dưỡng dựa trên nhận định, phân tích và thảo luận về các ưu tiên với đồng nghiệp, người bệnh hoặc gia đình người bệnh.

Tiêu chí 3: Thiết lập mục tiêu, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 4: Đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc phù hợp với tình trạng sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 5: Đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Thể hiện kiến thức cơ bản về các nguyên tắc đảm bảo an toàn trong thực hành chăm sóc.

Tiêu chí 2: Thực hiện hiệu quả các biện pháp an toàn trong chăm sóc.

Tiêu chí 3: Biện hộ quyền hợp pháp cho người bệnh và hỗ trợ người bệnh, gia đình về mặt tâm lý, thể chất, tinh thần và xã hội trong quá trình chăm sóc.

Tiêu chí 4: Thể hiện sự tôn trọng giá trị cá nhân và sự riêng tư của người bệnh.

Tiêu chí 5: Nhận ra những thực hành trái với các nguyên tắc quy định và chuẩn mực đã ban hành có nguy cơ ảnh hưởng tới sự an toàn người bệnh.

Tiêu chuẩn 6: Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc an toàn, hiệu quả

Tiêu chí 1: Vận dụng kiến thức cơ bản về nguyên tắc, chỉ định, chống chỉ định, cách tiến hành, phòng ngừa, xử trí tai biến của quy trình kỹ thuật, can thiệp điều dưỡng.

Tiêu chí 2: Thực hiện quy trình kỹ thuật, can thiệp điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế, cập nhật các hướng dẫn chuyên môn và phù hợp với quy định, nguồn lực tại nơi làm việc.

Tiêu chí 3: Theo dõi, phát hiện, xử trí và báo cáo kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

Tiêu chí 4: Tuân thủ các nguyên tắc, quy định và hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn.

Tiêu chuẩn 7: Thực hiện thuốc cho người bệnh an toàn, hiệu quả

Tiêu chí 1: Thể hiện sự hiểu biết về kiến thức cơ bản chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, hiệu quả, tương tác của các nhóm thuốc được dùng cho người bệnh, nhóm người bệnh.

Tiêu chí 2: Tuân thủ quy tắc, quy định và thực hiện thuốc an toàn và hiệu quả.

Tiêu chí 3: Theo dõi tác dụng, phát hiện các dấu hiệu phản ứng có hại của thuốc và xử trí kịp thời.

Tiêu chí 4: Hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và cách theo dõi dùng thuốc cho người bệnh, người nhà người bệnh.

Tiêu chuẩn 8: Đảm bảo chăm sóc liên tục

Tiêu chí 1: Theo dõi, nhận định tình trạng người bệnh trong suốt quá trình chăm sóc, điều trị.

Tiêu chí 2: Bàn giao cụ thể, đầy đủ và chính xác tình trạng của người bệnh cho các đồng nghiệp phụ trách chăm sóc kế tiếp.

Tiêu chí 3: Phối hợp hiệu quả với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp trong chăm sóc để người bệnh được chăm sóc liên tục.

Tiêu chuẩn 9: Xử trí kịp thời trong tình huống cấp cứu

Tiêu chí 1: Phát hiện kịp thời, đánh giá đầy đủ và ra quyết định xử trí sơ, cấp cứu ban đầu.

Tiêu chí 2: Thực hiện sơ cứu ban đầu đúng và hiệu quả cho người bệnh/nạn nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 3: Tham gia cấp cứu dịch bệnh và thảm họa.

Tiêu chuẩn 10: Giao tiếp phù hợp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng

Tiêu chí 1: Thể hiện sự hiểu biết đầy đủ và phù hợp về văn hóa, tín ngưỡng trong giao tiếp với người bệnh, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 2: Thiết lập được mối quan hệ thân thiện, hợp tác với người bệnh, gia đình, đồng nghiệp và cộng đồng.

Tiêu chí 3: Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình, đồng nghiệp và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 11: Giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả.

Tiêu chí 1: Thể hiện sự hiểu biết về nguyên tắc, phương pháp và hình thức tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 2: Xác định nhu cầu và nội dung cần hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 3: Tham gia xây dựng kế hoạch, tài liệu, chương trình truyền thông, tư vấn và giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội, tín ngưỡng và trình độ của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 4: Tham gia đánh giá công tác truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng; tham gia giáo dục vệ sinh phòng bệnh tại cơ sở y tế và cộng đồng.

Tiêu chí 5: Hướng dẫn và khuyến khích cá nhân, gia đình và cộng đồng đưa ra các quyết định để giải quyết các vấn đề sức khỏe trên cơ sở khoa học và đồng thuận.

Tiêu chí 6: Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 7: Thực hiện giáo dục sức khỏe và hướng dẫn các kỹ năng về chăm sóc/tự chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng đúng, phù hợp.

Lĩnh vực 3: Quản lý và lãnh đạo

Tiêu chuẩn 12: Ứng dụng nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong thực hành chăm sóc cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Thể hiện sự hiểu biết về nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong thực hành chăm sóc

Tiêu chí 2: Vận dụng kiến thức cơ bản về quản lý và lãnh đạo trong lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và kiểm tra các hoạt động chăm sóc.

Tiêu chuẩn 13: Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Sử dụng hợp lý, an toàn các trang thiết bị và phương tiện y tế trong chăm sóc người bệnh thuộc phạm vi được phân công.

Tiêu chí 2: Quản lý trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Tiêu chuẩn 14: Hợp tác liên ngành và điều phối các hoạt động chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Thực hiện điều phối và giám sát hoạt động chăm sóc đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Tiêu chí 2: Quản lý người bệnh về tuân thủ điều trị và tự chăm sóc.

Tiêu chí 3: Xác định được vai trò và mối quan hệ của các thành viên trong nhóm chăm sóc.

Tiêu chí 4: Thường xuyên chia sẻ, trao đổi thông tin với đồng nghiệp để đưa ra các quyết định chăm sóc phù hợp và an toàn.

Tiêu chí 5: Phối hợp hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc đảm bảo chăm sóc an toàn, toàn diện, liên tục và hiệu quả chi phí.

Tiêu chuẩn 15: Quản lý môi trường chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Thể hiện các kiến thức cơ bản về các nguy cơ và cách phòng tránh các bệnh nghề nghiệp.

Tiêu chí 2: Thể hiện sự hiểu biết cơ bản về mô hình quản lý chất lượng và các tiêu chí đánh giá chất lượng chăm sóc trong quản lý chất lượng chăm sóc.

Tiêu chí 3: Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính, các tác nhân, đường lây nhiễm trong bệnh viện và cộng đồng để đề xuất các biện pháp phòng và xử lý phù hợp.

Tiêu chí 4: Tuân thủ các nguyên tắc về phòng ngừa, cách ly y tế và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy tắc về an toàn lao động.

Tiêu chí 5: Phát hiện, báo cáo, lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp khắc phục phù hợp các nguy cơ/sự cố trong công tác chăm sóc.

Tiêu chí 6: Tham gia đánh giá các hoạt động chăm sóc để cải tiến và khắc phục những tồn tại về chuyên môn và thủ tục hành chính.

Tiêu chí 7: Ghi hồ sơ bệnh án khách quan, trung thực, đầy đủ và kịp thời.

Tiêu chí 8: Thực hiện quản lý hồ sơ bệnh án theo quy định pháp luật.

Lĩnh vực 4: Đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng

Tiêu chuẩn 16: Đào tạo, hướng dẫn cho người học và đồng nghiệp về kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực chăm sóc

Tiêu chí 1: Xây dựng kế hoạch, thực hiện dạy và đánh giá người học.

Tiêu chí 2: Sử dụng được các phương pháp dạy - học trong đào tạo người học và đồng nghiệp.

Tiêu chí 3: Tham gia xây dựng chương trình, tài liệu và thực hiện đào tạo nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp.

Tiêu chuẩn 17: Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng

Tiêu chí 1: Thể hiện sự hiểu biết các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 2: Thực hiện nghiên cứu khoa học/sáng tiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh.

Tiêu chí 3: Áp dụng các bằng chứng khoa học cập nhật trong thực hành chăm sóc và cải tiến chất lượng.

Lĩnh vực 5: Phát triển cá nhân và nghề nghiệp

Tiêu chuẩn 18: Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân

Tiêu chí 1: Tự đánh giá và chủ động tiếp thu các nguồn thông tin phản hồi về công việc của bản thân để xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập chuyên môn phù hợp với yêu cầu thực tế công việc.

Tiêu chí 2: Chủ động xây dựng kế hoạch và tham gia các hoạt động học tập liên tục để cập nhật và ứng dụng kiến thức, kỹ năng nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc.

Tiêu chuẩn 19: Phát triển nghề nghiệp

Tiêu chí 1: Sử dụng được tiếng Anh và/hoặc ngôn ngữ khác trong giao tiếp hàng ngày với người bệnh, học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Tiêu chí 2: Sử dụng được công nghệ thông tin trong các hoạt động hành chính chuyên môn, thực hành nghề nghiệp, phát triển cá nhân và nâng cao chất lượng chăm sóc.

Tiêu chí 3: Tham gia vào các hoạt động xây dựng hình ảnh của người điều dưỡng góp phần nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong nước và quốc tế.

Tiêu chí 4: Tham gia xây dựng, cập nhật, hoàn thiện quy trình kỹ thuật thực hành chuẩn trong chăm sóc người bệnh.